

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20-3-2020

Về việc Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Văn Ôn

2. Ông Nguyễn Quang Khải

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2019/TLST - HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Đình Công N** - sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn H, xã Th, huyện B, tỉnh Lào Cai. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Chị **Phạm Thị H** - sinh năm 1984.

Nơi cư trú cuối cùng: Đội Ch, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2019, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đình Công N trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi và cô Phạm Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 23/01/2015 tại UBND xã, huyện B, tỉnh Lào Cai trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại Đội Ch, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên được hơn 1 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sự bất

đồng trong việc làm ăn nên vợ chồng hay cãi vã nhau. Đến tháng 3/2015 cô H bỏ nhà đi đâu biệt tích từ đó cho đến nay không rõ đi đâu làm gì. Tôi đã làm thủ tục thông báo tìm kiếm cô H và tuyên bố cô H mất tích, cho đến nay vẫn không có tin tức gì của cô H. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với cô H.

- Về con chung: Tôi và cô H không có con chung.
- Về tài sản (chung, riêng): Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ (phải trả, lấy về): Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án theo yêu cầu của anh N, Tòa án đã tiến hành xác minh về sự vắng mặt của chị H và tình trạng hôn nhân của anh N và chị H. Niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú cuối cùng của chị H. Nhưng cho đến thời điểm mở lại phiên tòa chị H vẫn không có mặt tại phiên tòa, không có ý kiến trả lời.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có kiến nghị gì. Nguyên đơn đã chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ của mình, cung cấp tài liệu chứng cứ đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt theo giấy triệu tập để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án của Tòa án bị kéo dài.

Quan điểm giải quyết vụ án:

- Đối với yêu cầu ly hôn: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho anh N được ly hôn với chị H.
- Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.
- Về tài sản và nợ: Không có nên không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh Nam phải nộp 300.000 án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Anh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị H, trước khi bị tuyên bố mất tích chị H có nơi cư trú cuối cùng tại Đội Ch, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án để đảm bảo sự khách quan về các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và theo yêu cầu của đương sự Tòa án nhân dân huyện Điện Biên đã xác minh về sự vắng mặt của bị đơn và tình trạng hôn nhân giữa anh N, chị H tại nơi cư trú. Tòa án đã thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để thực hiện việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật và tham gia phiên tòa.

- Do trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải, đề nghị này phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án chấp nhận.

- Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của Viện kiểm sát để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Công N và chị Phạm Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện B, tỉnh Lào Cai (giấy chứng nhận kết hôn số 06/2015, quyển số 01/2014, ngày 23/01/2015) là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn: Anh N khai nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong việc làm ăn nên hay cãi vã nhau. Việc này đã được Tòa án xác minh và có xác nhận của UBND xã Th, huyện Đ. Do đó có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh N và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H đã bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên tuyên bố mất tích tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2019/QĐ-TA ngày 15/10/2019 nên căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện và giải quyết cho anh N được ly hôn.

[3.2] Về con chung: Anh N khai vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản: Anh N khai không có tài sản gì, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ: Anh N khai không có khoản nợ nào, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Đinh Công N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, các Điều 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Công N.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Đinh Công N được ly hôn với chị Phạm Thị H.
2. Về con chung: Không có, không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản: Không có, không xem xét, giải quyết.
4. Về nợ: Không có, không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Anh Đinh Công N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003298 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Anh Đinh Công N đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Lào Cai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Tòa án nhân dân tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ